

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Huy

Bà Hoàng Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị A, sinh ngày 27/9/1991, nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020191011736, ngày cấp: 28/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bàn Hữu L, sinh ngày 22/4/1992, nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020092006373, ngày cấp: Không có, nơi cấp: Không có. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý Thị A trình bày:

Năm 2012, chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L quen biết, tìm hiểu, yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 07/02/2013, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống chung thời gian đầu tình cảm giữa hai vợ chồng bình thường. Sau khi có con chung giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Anh Bàn Hữu L không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, say rượu. Mỗi lần say rượu anh Bàn Hữu L chửi bới và đánh đuổi chị Lý Thị A ra khỏi nhà. Chị Lý Thị A cùng gia đình khuyên nhủ anh Bàn Hữu L nhiều lần nhưng anh Bàn Hữu L vẫn không thay đổi vẫn chứng nào tật đấy. Vì thương con nên chị Lý Thị A đã nhận nhin và chịu đựng trong suốt thời gian đó anh Bàn Hữu L vẫn không thay đổi bản thân. Đến tháng 02/2023 chị Lý Thị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở chị và anh Bàn Hữu L đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với anh Bàn Hữu L, nay chị Lý Thị A chỉ còn có trách nhiệm với hai con, chị Lý Thị A vẫn thường xuyên gửi tiền mua đồ dùng, nộp tiền học cho hai con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Lý Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bàn Hữu L. Về con chung: Có 02 con chung là Bàn Thuý V, sinh ngày 04/03/2013 và cháu Bàn Duy M, sinh ngày 31/03/2016 hiện nay đang sống cùng anh Bàn Hữu L và ông bà nội tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Lý Thị A để con cho anh Bàn Hữu L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Lý Thị A cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lý Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Toà án đã triệu tập anh Bàn Hữu L đến Toà án để trình bày lời khai về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh Bàn Hữu L không có mặt, không có ý kiến trình bày. Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với anh Bàn Hữu L.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 631/UBND-VP ngày 16/12/2025, UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/02/2013, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023, cuộc sống vợ chồng thương xuyên xảy ra mâu thuẫn. UBND xã T đã kiểm tra và xác minh tên chị Lý Thị A và Lý Thị A trong giấy chứng nhận kết hôn là một người, do chị Lý Thị A thay đổi cải chính tên Lý Thị A thành Lý Thị A theo trích lục số 76/TLCCHT ngày 14/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay anh Bàn Hữu L không ở địa phương; vợ chồng có hai con chung là Bàn Thuý V, sinh ngày 04/03/2013 và cháu Bàn Duy M, sinh ngày 31/03/2016 hiện nay đang sống cùng anh Bàn Hữu L và ông bà nội tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Mức thu nhập của chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L tại địa bàn xã T là khoảng 3.000.000 đồng/ tháng. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập phát triển bình thường đối với độ tuổi của cháu Bàn Thuý V và cháu Bàn Duy M tại địa phương là 2.000.000

đồng/tháng. Tại biên bản xác minh tại Công an xã T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kiểm tra dữ liệu dân cư trên hệ thống thấy trường hợp anh Bàn Hữu L vẫn có hộ khẩu tại thôn T, xã T, tỉnh Lạng, chưa cắt tạm vắng, tạm trú đi nơi khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2025, bà Hoàng Thị K là mẹ đẻ của anh Bàn Hữu L cho biết: Anh Bàn Hữu L và chị Lý Thị A được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương bà không nhớ rõ năm nào, chung sống cùng gia đình bà Hoàng Thị K tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn; trước khi cưới chị Lý Thị A đang làm công ty, sau khi cưới xong cả hai con đều đi làm công ty. Sau khi hai con xảy ra cãi vã, trách móc lẫn nhau, từ thời gian cãi nhau đến nay đã được 3 năm chị Lý Thị A không quay về nhà bà lần nào nữa; anh Bàn Hữu L vẫn vẫn về thăm con và chăm sóc con và đã nhận thay và thông báo toàn bộ nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Bàn Hữu L; từ khi chị Lý Thị A gửi đơn yêu cầu ly hôn thì anh Bàn Hữu L mới không về nhà; trường hợp các con ly hôn thì bà Hoàng Thị K đề nghị Tòa án giao cho anh Bàn Hữu L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thuý V và Bàn Duy M đến khi hai con đủ 18 tuổi, bà Hoàng Thị K và ông nội cam kết sẽ giúp anh Bàn Hữu L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bàn Thuý V và Bàn Duy M và đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, học tập.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 09/12/2025, cháu Bàn Thuý Vân và cháu Bàn Duy M trình bày cháu là con đẻ của chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L, đang sống cùng bố và ông, bà nội tại xã T, tỉnh Lạng Sơn, hiện tại mẹ Lý Thị A không sống cùng nhưng thi thoảng về thăm, nộp tiền học cho hai cháu. Cháu có nguyện vọng sống cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/12/2025. Tuy nhiên, anh Bàn Hữu L vắng mặt, chị Lý Thị A có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng với thành phần. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên Tòa sơ thẩm đó là: Tuân thủ nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa thực hiện theo quy định tại Chương XIV - Phần thứ hai - Quy định chung về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS, đó là ổn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Viện kiểm sát không có kiến nghị, kháng nghị gì.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ quy định của BLTTDS và các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, đó là: Thực hiện quyền khởi kiện, nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Điều 72 BLDS. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ Điều 227 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị A. Chị Lý Thị A được ly hôn với anh Bàn Hữu L. Về con chung: Giao con chung Bàn Thúy Vân, sinh ngày 04/3/2013 và Bàn Duy M, sinh ngày 31/3/2016 cho anh Bàn Hữu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con. Nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Chị Lý Thị A được miễn án phí phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn cư trú tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, Công an xã T và mẹ ruột của anh Bàn Hữu L xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Quá trình sống ly thân các đương sự đều không có hành động thể hiện mong muốn quan tâm và hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện việc không mong muốn

đoàn tụ gia đình phù hợp với lời khai người làm chứng và các biên bản xác minh. Như vậy, hôn nhân giữa chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Lý Thị A được ly hôn với anh Bàn Hữu L.

[4] Về con chung: Chị Lý Thị A và anh Bàn Hữu L có 02 con chung tên là Bàn Thuý V, sinh ngày 04/03/2013 và cháu Bàn Duy M, sinh ngày 31/03/2016, hiện nay đang ở cùng anh Bàn Hữu L và ông bà nội tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Bàn Thuý V và cháu Bàn Duy M từ nhỏ đến nay đều sinh sống, học tập tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay đang sống cùng bố, ông bà nội và được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ, phát triển bình thường. Cháu Bàn Thuý V và cháu Bàn Duy M đều có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn nên cần tiếp tục giao cho anh Bàn Hữu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thuý V và cháu Bàn Duy M cho đến khi con đủ 18 tuổi để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn không có văn bản trình bày quan điểm đối với nội dung này. Tuy nhiên, mục đích của việc cấp dưỡng là đảm bảo cho quyền lợi chính đáng của con chung, đảm bảo cho điều kiện nuôi dưỡng. Việc tự nguyện cấp dưỡng không trái pháp luật, phù hợp với mức thu nhập, chi phí sinh hoạt tại địa phương. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng 02 con chung của nguyên đơn, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 người con chung, tổng số tiền hàng tháng cấp dưỡng cho 02 người con chung là 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ vụ án và không có quan điểm đối với nội dung này nên để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Lý Thị A là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng cho chị Lý Thị A.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lý Thị A được ly hôn anh Bàn Hữu L.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thuý V, sinh ngày 04/03/2013 và cháu Bàn Duy M, sinh ngày 31/03/2016 cho anh Bàn Hữu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Lý Thị A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho 02 người con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, tổng số tiền cấp dưỡng hàng tháng cho 02 người con chung là 2.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng theo tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành) Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lý Thị A được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nam Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đình Huy Hoàng Thị Lượng

Ngô Nam Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Thiện Long (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nam Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đình Huy Hoàng Thị Lượng

Ngô Nam Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Thiện Long (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nam Toàn